TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:210/2025/DS-ST
Ngày: 20/6/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hường**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Thị Mai

- Bà Dương Tú Anh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân quận Đống Đa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa: Không tham gia phiên tòa

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 56/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 130/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2025/QĐHPT ngày 26/5/2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** **Ngân hàng TMCP S (S1)**

Địa chỉ trụ sở: Số B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S2).

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T – Chức danh: Tổng Giám đốc theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302847233, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 12/10/2022. (Theo giấy ủy quyền số: 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022).

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Vũ Khánh C – chức vụ Phó Tổng Giám đốc, theo giấy ủy quyền số: 775/2023/GUQ-TGĐ ngày 13/9/2023.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan A – Nhân viên Công ty; Địa chỉ nhận văn bản: Tầng G, số F N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

****Bị đơn*: Bà Lưu Lệ H; sinh năm 1970**

Nơi ĐKHKTT: D2A-P205, Tập thể Bộ N, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2023 và văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần S – ông

Phan A trình bày như sau:

Ngày 23/11/2015, bà Lưu Lệ H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 4862265-8372 với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 460.857.117 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 471.149.000 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ trừ lãi trước, sau đó mới trừ tiếp vào giao dịch, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/3/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi quá hạn: 3.9%/tháng = 2.6%/tháng x 150%

Tính đến ngày 26/5/2025, bà H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 46.231.441 đồng
- Lãi quá hạn: 71.099.483 đồng
- Tổng gốc và lãi: 117.330.924 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Quý Tòa giải quyết: Buộc bà Lưu Lệ H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/5/2025 là 117.330.924 đồng

Buộc bà Lưu Lệ H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 26/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng triệu tập bà Lưu Lệ H đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án nhưng không được do bà H vắng nhà, con trai bà H từ chối ký nhận văn bản. Do vậy, Tòa án không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà H để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào Điều 179 Bộ luật

Tố tụng dân sự, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại địa chỉ nơi cư trú của bà H và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa để triệu tập bà Lưu Lệ H đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Do bà H không đến nên các thủ tục cho bà H tự khai, đối chất lời khai, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự không thực hiện được, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà Lưu Lệ H vẫn vắng mặt không có lí do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lưu Lệ H có nơi cư trú tại: D, Tập thể Bộ nông nghiệp P, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà H, triệu tập bà Lưu Lệ H đến tham gia phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự tại phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lưu Lệ H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 486265-8372, ngày hợp đồng: 23/11/2015 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và cam kết ký ngày 23/11/2015) giữa Ngân hàng TMCP S và bà Lưu Lệ H được các bên ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy, xác định là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành với các bên. Bà Lưu Lệ H được cấp thẻ tín dụng số thẻ 486265-8372 với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 460.857.117 đồng *(Bốn trăm sáu mươi triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn một trăm mười bảy đồng)*, bà H đã thanh toán là 471.149.000 đồng *(Bốn trăm bảy mươi mốt triệu một trăm bốn mươi chin nghìn đồng)*. Sau đó, bà H không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nữa mặc dù đã được Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhiều lần. Ngày 01/3/2022, Ngân hàng đã chấm dứt

quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bà H sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nay ngân hàng xác nhận tạm tính đến ngày 26/5/2025, bà Lưu Lệ H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là: **117.330.924 đồng** Trong đó, nợ gốc là: **46.231.441** đồng**;** Nợ lãi là: **71.099.483 đồng**. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lưu Lệ H phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên.

[3.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng của bà Lưu Lệ H với Ngân hàng TMCP S đủ cơ sở để xác nhận bà Lưu Lệ H còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là: **46.231.441** đồng *(Bốn mươi sáu triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi mốt đồng)* nên việc Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lưu Lệ H phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2]. Xét yêu cầu tính lãi: Căn cứ Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S quy định: Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát sinh thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Bà Lưu Lệ H đã sử dụng thẻ từ ngày 31/12/2015 quá trình sử dụng thẻ bà H đã vi phạm nghĩa vụ, Ngân hàng đã nhắc nhở bà H, qua nhiều lần làm việc nhưng bà H không có thiện chí trả nợ. Do bà H đã vi phạm Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên ngày 01/3/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bà H sang nợ quá hạn là đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tạm tính đến ngày 26/5/2025, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: **46.231.441** đồng *(Bốn mươi sáu triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi mốt)*, lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn, tính từ ngày 01/3/2022 đến ngày 26/5/2025 là: **71.099.483 đồng** Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc bà Lưu Lệ H phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn là: **71.099.483 đồng**

Như vậy, số tiền nợ gốc và lãi bà Lưu Lệ H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S là: **117.330.924 đồng**

Về án phí: Ngân hàng TMCP S được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Bà Lưu Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Lưu Lệ H về việc thanh toán số tiền chậm trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

2. Xác nhận bà Lưu Lệ H còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi là **117.330.924 đồng**, trong đó: Nợ gốc: **46.231.441** đồng; Nợ lãi là: **71.099.483 đồng** đồng.

3. Buộc bà Lưu Lệ H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là **117.330.924 đồng** (Một trăm mười bảy triệu, ba trăm ba mươi nghìn, chín trăm hai mươi tư đồng)

4. Về án phí: Bà Lưu Lệ H phải chịu **5.866.000 đồng** (Năm triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S **1.995.698 đồng** (Một triệu chín trăm chín mươi năm nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Giấy thu tiền tạm ứng án phí số 000002977807 ngày 18/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xử án sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần S

và bà Lưu Lệ H. Ngân hàng TMCP S và bà Lưu Lệ H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- THA DS quận Đống Đa;
- TAND TP Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hường